

KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

MỤC LỤC

1. TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG LÀNG VÀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN CƯ DÂN MỘT SỐ LÀNG TRUYỀN THỐNG Ở HÀ NỘI HIỆN NAY	6
2. QUAN ĐIỂM VỀ HÒA BÌNH, HỢP TÁC, HỮU NGHỊ TRONG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRANH CHẤP Ở BIÊN ĐÔNG HIỆN NAY	7
3. NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA VIDEO NGẮN VỀ LỊCH SỬ TỎI LÒNG YÊU NƯỚC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY	8
4. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TRỰC QUAN HÓA NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	9
5. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỦY LỢI TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU HIỆN NAY	10
6. PHÂN CHIA TÀI SẢN LÀ TIỀN MÃ HÓA (CRYPTOCURRENCY) KHI LY HÔN - KINH NGHIỆM TỪ HOA KỲ VÀ SINGAPORE VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM	11
7. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG GIAO DỊCH MUA BÁN HÀNG HÓA TRÊN SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM	12
8. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG GIẢ MẠO QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ: NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI THUỐC VÀ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG GIẢ MẠO	13
9. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG GIAO DỊCH TRÊN CÁC SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN	14
10. CHẾ ĐỊNH LUẬT SỰ CÔNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM	15
11. NGƯỜI THỪA KẾ KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO NỘI DUNG DI CHỨC: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	16
12. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ĐỊNH DANH QUỐC GIA (VNEID) CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ VÀ AN TOÀN DỮ LIỆU CÁ NHÂN	17
13. NGHIÊN CỨU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI-MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	18
14. NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM - TIẾP CẬN GÓC ĐỘ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP	19

15. KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH CHỦ THỂ CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)	20
16. PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠI VIỆT NAM	21
17. NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG MUA - BÁN TÍN CHỈ CARBON. KINH NGHIỆM VÀ KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM	22
18. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ TỪ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THEO ĐỊNH HƯỚNG GIẢM PHÁT THẢI CARBON VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG XANH	23
19. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG CÁC KHU NHÀ TRỌ (QUA KHẢO SÁT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI)	24
20. NGHIÊN CỨU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM	25
21. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHỮ KÝ SỐ TRONG QUẢN LÝ, PHÊ DUYỆT VĂN BẢN ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC ĐOÀN - HỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	26
22. PHÁP LUẬT VỀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG DÂN SỰ Ở VIỆT NAM TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN	27
23. PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TIKTOK SHOP	28
24. CHẾ ĐỘ THAI SẢN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2024 DƯỚI GÓC ĐỘ CHUẨN MỰC CỦA TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ	29
25. NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ ĐỘ TUỔI KẾT HÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	30
26. PHÁP LUẬT VỀ TÀI SẢN MÃ HOÁ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	31
27. NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG	32
28. NGHIÊN CỨU BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRONG XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	33
29. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG	34
30. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHATBOT AI HỖ TRỢ HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	35

31. QUYỀN KẾT HÔN CỦA CÁC CẶP ĐÔI ĐỒNG GIỚI TẠI TRUNG QUỐC, CUBA VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ GIÚP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM	36
32. NGHIÊN CỨU NHẬN DIỆN RỦI RO VÀ THÁCH THỨC TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ XANH ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM: BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ HÀN QUỐC VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU	37
33. TỘI PHẠM LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN MÃ HÓA TẠI VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	38
34. TÍN DỤNG TIÊU DÙNG TRONG SINH VIÊN ĐẠI HỌC THỦY LỢI - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT	39
35. BẢO VỆ QUYỀN HÌNH ẢNH CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA CÔNG NGHỆ AI VÀ DEEPFAKE - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM	40
36. NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	41
37. NGHĨA VỤ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT HÓA CHẤT THEO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020 - TIẾP CẬN TỪ YÊU CẦU NET ZERO	42
38. NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG HIỆN NAY	43
39. NGHIÊN CỨU VỀ NGUY CƠ BỊ LỪA ĐẢO XUYỀN QUỐC GIA ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI SỐ	44
40. NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY	45
41. ĐÁNH GIÁ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY	46
42. NGHIÊN CỨU PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN TRONG VIỆC KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA SINH VIÊN KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	47
43. NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA SINH VIÊN LUẬT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI TRONG ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ	48
44. NGHIÊN CỨU CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP TRONG KINH TẾ TUẦN HOÀN CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	49
45. ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN NHẬN THỨC CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY	50

46. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG LMS TRÊN CƠ SỞ ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY	51
47. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CỦA GIÁNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	52
48. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC DIỄN BIẾN HÒA BÌNH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	53
49. NGHIÊN CỨU VỀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	54
50. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ HỌC NGHỀ CỦA HỘ GIA ĐÌNH SAU THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HẢI PHÒNG: SO SÁNH TRONG BỐI CẢNH ÁP DỤNG LUẬT ĐẤT ĐAI 2013 VÀ LUẬT ĐẤT ĐAI 2024	55
51. NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ GÂY RA ÁP LỰC HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	56
52. NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC NGHE ASMR ĐẾN VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	57
53. NGHIÊN CỨU SỰ LỰA CHỌN GIỮA ĐAM MÊ CÁ NHÂN VÀ XU HƯỚNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TLU TRONG ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU SỐNG VÀ NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KỶ VỌNG XÃ HỘI	58

**TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG LÀNG
VÀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN CƯ DÂN MỘT SỐ LÀNG
TRUYỀN THỐNG Ở HÀ NỘI HIỆN NAY**

SVTH: Vương Nguyễn Khánh Uyên - 64 QTMAR2

Nguyễn Thị Hương Giang - 64KDQT

Ngô Thị Khánh - 64KDQT

Vương Trí Thị Trang - 64KDQT

GVHD: TS. Trần Thị Ngọc Thúy

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Dung

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận về tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng trong đời sống văn hóa - tinh thần của người Việt; đồng thời khảo sát thực tiễn tại ba làng tiêu biểu là Bát Tràng (Gia Lâm), Vạn Phúc (Hà Đông) và Đại Phùng (Đan Phượng). Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích các phương thức và nội dung tác động của tín ngưỡng này đến đời sống tinh thần cư dân thông qua các thiết chế văn hóa, nghi lễ - lễ hội và quá trình truyền dẫn xã hội, từ đó đề xuất giải pháp phát huy giá trị trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng. Thông qua khảo sát thực tiễn tại một số địa bàn ngoại thành Hà Nội, nghiên cứu cho thấy tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng vẫn được duy trì tương đối ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn tồn tại một số hạn chế. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị của tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng gắn với mục tiêu phát triển văn hóa bền vững trong bối cảnh hiện nay.

**QUAN ĐIỂM VỀ HÒA BÌNH, HỢP TÁC, HỮU NGHỊ
TRONG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ
TRANH CHẤP Ở BIỂN ĐÔNG HIỆN NAY**

SVTH: Nguyễn Thị Thanh Thanh - 64LUAT-HS

Nguyễn Minh Nguyệt - 66LUAT2

Nguyễn Hà Trang - 66LUAT2

GVHD: TS. Trần Thị Ngọc Thúy

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Dung

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận của quan điểm của Hồ Chí Minh về hòa bình, hợp tác, hữu nghị; cơ sở pháp lý quốc tế về giải quyết tranh chấp trên biển; phân tích thực trạng tranh chấp Biển Đông và việc vận dụng các nguyên tắc này của Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp góp phần bảo vệ chủ quyền và duy trì hòa bình, ổn định khu vực.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã phân tích cơ sở hình thành và nội dung của quan điểm hòa bình, hữu nghị hợp tác quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh; Làm rõ cơ sở pháp lý quốc tế liên quan đến giải quyết tranh chấp Biển Đông như: Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, phán quyết PCA 2016, những nguyên tắc ứng xử ASEAN (DOC - COC) ... và quan điểm của một số quốc gia về giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, Trên cơ sở đó, báo cáo đã đưa ra các giải pháp để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc hoạch định đường lối ngoại giao, pháp lý quốc tế về vấn đề Biển Đông góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền và duy trì hòa bình, ổn định khu vực, đảm bảo an toàn hàng hải và hàng không quốc tế trên Biển Đông.

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA VIDEO NGẮN
VỀ LỊCH SỬ TỚI LÒNG YÊU NƯỚC CỦA SINH VIÊN
ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY**

SVTH: Lý Hương Giang - 66QT2

Trần Thị Mỹ Dung - 66QT2

Nguyễn Hương Giang - 66QT2

Nguyễn Thị Ngọc Diệp - 66QT2

GVHD: ThS. Vũ Kiến Quốc

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu tập trung đánh giá ảnh hưởng của video ngắn về lịch sử tới lòng yêu nước của sinh viên Trường Đại học Thủy lợi hiện nay trên các phương diện: nhận thức, thái độ và hành vi. Đồng thời, nghiên cứu hướng tới việc hệ thống hóa cơ sở lý luận về truyền thông số, khảo sát thực trạng tiếp cận và phân tích các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất các giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử và khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc cho sinh viên trong kỷ nguyên số.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả cho thấy video ngắn lịch sử có tác động tích cực đến nhận thức và cảm xúc yêu nước của sinh viên, đặc biệt là những video có nội dung xác thực, hình ảnh sống động và cách kể chuyện sáng tạo. Sinh viên dễ tiếp nhận kiến thức lịch sử và thể hiện sự quan tâm thông qua bình luận, chia sẻ, tương tác trên mạng xã hội. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như: tăng cường nội dung lịch sử trên nền tảng số, kiểm duyệt thông tin trước khi phát hành và tích hợp video lịch sử trong các hoạt động giảng dạy, công tác Đoàn - Hội để nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử.

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TRỰC QUAN HÓA
NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Nguyễn Ngọc Anh - 64LUATHS

Hoàng Trọng Vinh - 64CNTT1

Phạm Thị Kiều Anh - 65LUAT

Nguyễn Trần Đăng Khôi - 65CK

GVHD: TS. Nguyễn Thị Anh

1. Mục tiêu đề tài:

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tập trung vào các chuẩn mực và những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới. Đề tài xây dựng mô hình các trực quan hóa nội dung đạo đức cách mạng thông qua việc thiết kế và triển khai thử nghiệm một số sản phẩm công nghệ số phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của sinh viên, đề xuất khả năng áp dụng và nhân rộng mô hình trực quan hóa trong giáo dục đạo đức ở Trường Đại học Thủy lợi hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Khái quát những vấn đề lý luận về đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu trực quan hóa nội dung giáo dục đạo đức trong giáo dục đại học hiện nay. Thiết kế mô hình trực quan hóa nội dung đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thực nghiệm và đề xuất mô hình áp dụng đối với sinh viên Trường Đại học Thủy lợi.

**GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỦY LỢI
TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU HIỆN NAY**

*SVTH: Nguyễn Minh Quang -
65LUAT*

*GVHD: TS. Nguyễn Thị Anh
TS. Tô Mạnh Cường*

1. Mục tiêu đề tài:

Trên cơ sở làm sáng tỏ các quan điểm của Hồ Chí Minh về thủy lợi, luận chứng tính đúng đắn, khoa học và giá trị vượt thời gian của tư tưởng đó, đề tài khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về thủy lợi là “kim chỉ nam” cho các chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường hiện nay; từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng tư tưởng này vào thực tiễn công tác thủy lợi, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu làm rõ tư tưởng của Người về thủy lợi, thể hiện qua các luận điểm: thủy lợi là biện pháp chủ động để phát huy lợi thế và khắc phục những hạn chế cố hữu của thời tiết trong sản xuất nông nghiệp; tư tưởng kết hợp hài hòa giữa con người với tự nhiên, môi trường; mối liên hệ giữa thủy lợi và lâm nghiệp; bảo vệ môi trường và làm thủy lợi là của toàn dân... Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn biến phức tạp, tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, cung cấp những luận cứ khoa học giúp các cơ quan quản lý nhà nước điều chỉnh, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch thủy lợi, đảm bảo vừa phát triển thủy lợi, vừa bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu. Cũng từ đó, đề tài tiếp tục đưa ra những định hướng tăng cường phát huy giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về thủy lợi, vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu thời gian tới.

**PHÂN CHIA TÀI SẢN LÀ TIỀN MÃ HÓA
(CRYPTOCURRENCY) KHI LY HÔN - KINH NGHIỆM
TỪ HOA KỲ VÀ SINGAPORE VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM**

SVTH: Nguyễn Minh Ngọc - K65LUAT

Nguyễn Thị Lan - K65LUAT

GVHD: ThS. Đinh Thị Minh Nguyệt

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài hướng tới việc phân tích và so sánh cách thức Việt Nam, Hoa Kỳ và Singapore xử lý vấn đề phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, trong đó trọng tâm là tài sản dưới hình thức tiền mã hóa. Trên cơ sở nhận diện những điểm tương đồng và khác biệt trong cách tiếp cận của các hệ thống pháp luật, nghiên cứu đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý của Việt Nam đối với việc xác định, định giá và phân chia tài sản số trong quan hệ hôn nhân và gia đình.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về phân chia tài sản là tiền mã hóa khi ly hôn, đồng thời chỉ ra rằng dù pháp luật Việt Nam chưa xác định rõ địa vị pháp lý của tiền mã hóa, nhưng vẫn có thể bước đầu vận dụng các quy định hiện hành để giải quyết tranh chấp. Nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn trong thực tiễn như xác định quyền sở hữu, định giá tài sản và cơ chế chứng minh, truy vết tài sản số. Thông qua so sánh với pháp luật Hoa Kỳ và Singapore, đề tài làm rõ các cách tiếp cận tiến bộ trong việc công nhận và xử lý tài sản số. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng xác lập địa vị pháp lý của tiền mã hóa, bổ sung cơ chế chứng minh, kiểm soát và định giá tài sản, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp trong bối cảnh kinh tế số.

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM
BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG GIAO DỊCH MUA BÁN
HÀNG HÓA TRÊN SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
TẠI VIỆT NAM**

SVTH: Bùi Anh Đức - 66LUAT1

Hoàng Hương Giang - Song ngành Luật KT

Nguyễn Mỹ Hà - 66LUAT1

Phạm Văn Hải - 65LUATKT

Lê Nguyễn Cảnh Tuấn - 66LUAT1

GVHD: ThS. Đỗ Thị Hạnh

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong giao dịch mua bán hàng hóa trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam, đặc biệt là vai trò và mức độ trách nhiệm của sàn với tư cách chủ thể trung gian. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm phân định trách nhiệm hợp lý, tăng cường nghĩa vụ kiểm soát của nền tảng và bảo vệ hiệu quả quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường số.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng pháp luật hiện hành vẫn tồn tại khoảng trống trong việc xác định trách nhiệm pháp lý của sàn thương mại điện tử và cơ chế bồi thường thiệt hại trong môi trường trực tuyến. Trên cơ sở phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, đề tài đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật theo hướng làm rõ trách nhiệm liên đới của sàn, nâng cao hiệu quả chứng minh thiệt hại và bảo đảm cơ chế bồi thường nhanh chóng, phù hợp với đặc thù của giao dịch số.

**PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNG GIẢ MẠO
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ: NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI THUỐC
VÀ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG GIẢ MẠO**

SVTH: Nguyễn Thị Thanh Thanh - 64LUATHS

Nguyễn Phương Thảo - 64LUATDS

Hoàng Khương Duy - 64LUATDS

Bạch Thị Cẩm Ly - 64LUATKT

GVHD: ThS. Đỗ Thị Hạnh

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý về hàng giả mạo quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thuốc và thực phẩm chức năng; phân tích, đánh giá hệ thống quy định pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng nhằm nhận diện những bất cập, hạn chế; đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi, góp phần bảo vệ quyền lợi chủ thể quyền và sức khỏe cộng đồng.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã xây dựng được hệ thống lý luận tương đối toàn diện, chỉ ra những hạn chế trong quy định và thực tiễn thực thi pháp luật về hàng giả mạo trong lĩnh vực thuốc và thực phẩm chức năng; làm rõ nguyên nhân của các bất cập và khoảng cách giữa pháp luật với thực tiễn, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao năng lực phòng, chống hàng giả trong bối cảnh hội nhập.

**PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN
TRONG GIAO DỊCH TRÊN CÁC SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ -
THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN**

SVTH: Chu Trang Nhi - 64LUAT-HS

Trần Hồng Nhung - 64LUAT-KT

Lương Thanh Trúc - 64LUAT-KT

Đinh Ánh Vân - 64LUAT-KT

GVHD: ThS. Đỗ Thị Hạnh

1. Mục tiêu đề tài:

Mục tiêu tổng quát của đề tài là hệ thống hóa lý luận và đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên sàn thương mại điện tử (TMĐT) theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025. Từ đó, chỉ ra những hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu cho thấy, pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giao dịch trên các sàn thương mại điện tử đã có những bước tiến đáng ghi nhận, đặc biệt với việc hình thành khung pháp lý tương đối toàn diện thông qua văn bản như Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 và các quy định liên quan trong lĩnh vực thương mại điện tử, an ninh mạng. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn còn phân tán, thiếu tính thống nhất và chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ, nhận thức người dùng chưa cao. Do đó, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ, tiệm cận quốc tế, tăng cường chế tài và thúc đẩy trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, kết hợp với nâng cao nhận thức xã hội để bảo đảm an toàn dữ liệu bền vững.

CHẾ ĐỊNH LUẬT SƯ CÔNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

SVTH: Trần Nguyên An - 66LUAT1

Nguyễn Mỹ Hà - 66LUAT1

Hoàng Hương Giang - Song ngành luật kinh tế

GVHD: ThS. Dương Hương Quế

1. Mục tiêu đề tài:

Hệ thống hóa các cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về chế định luật sư công tại một số quốc gia điển hình như Anh, Hoa Kỳ, Trung Quốc,... từ đó đánh giá sự tương thích và đề xuất mô hình luật sư công tại Việt Nam đồng thời cung cấp luận cứ khoa học để thực hiện hóa nhiệm vụ đổi mới công tác thi hành pháp luật và tháo gỡ "điểm nghẽn" thể chế theo định hướng của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị.

2. Kết quả nghiên cứu:

Làm rõ khái niệm, đặc điểm và vị trí pháp lý của luật sư công trong mối quan hệ với luật sư tư nhân và trợ giúp viên pháp lý. Xác định các nguyên tắc hoạt động cốt lõi của luật sư công trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu chế định về luật sư công ở một số quốc gia, từ đó phân tích sự khác biệt về cơ chế vận hành của mô hình luật sư công tại Hoa Kỳ, Anh và Trung Quốc, rút ra những bài học và kinh nghiệm để đề xuất xây dựng chế định luật sư công ở Việt Nam. Phân tích tính cấp thiết và “khoảng trống” thực tiễn tại Việt Nam, thực trạng thiếu hụt đội ngũ đại diện pháp lý chuyên nghiệp cho Nhà nước; làm rõ nhu cầu bảo vệ lợi ích công trong các tranh chấp đầu tư quốc tế và xử lý các dự án tồn đọng do vướng mắc pháp lý. Đề xuất các tiêu chuẩn chuyên môn mang tính đột phá cho luật sư công.

**NGƯỜI THỪA KẾ KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO NỘI DUNG
DI CHỨC: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

SVTH: Nguyễn Thư Anh - 65LUATKT

Nguyễn Minh Châu - 65LUATKT

Nguyễn Huyền Linh - 65LUATKT

GVHD: ThS. Dương Hương Quế

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận của chế định người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc theo pháp luật dân sự Việt Nam. Đồng thời, phân tích thực trạng áp dụng pháp luật hiện nay và chỉ ra những hạn chế và sự thiếu thống nhất trong nhận thức pháp lý.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật trong vấn đề người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Kết quả cho thấy Tòa án đã vận dụng hiệu quả nhưng vẫn tồn tại nhiều vướng mắc như thiếu sự rõ ràng trong việc xác định tình trạng “không có khả năng lao động”; pháp luật còn bỏ ngỏ cơ chế giải quyết mâu thuẫn trên khối di sản không thể phân chia và thiếu quy định về thừa kế thế vị đối với suất di sản bắt buộc. Trên cơ sở đó đề xuất cần hoàn thiện pháp luật theo hướng cụ thể hóa tiêu chí pháp lý và bổ sung các quy định còn thiếu.

**THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ĐỊNH DANH
QUỐC GIA (VNeID) CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỦY LỢI: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ
VÀ AN TOÀN DỮ LIỆU CÁ NHÂN**

SVTH: Nguyễn Thị Thủy - 66LUATKT2
Nguyễn Thùy Vân - 66LUATKT2
Tạ Khánh Thư - 66LUATKT2
GVHD: Dương Hương Quế

1. Mục tiêu đề tài:

Hệ thống hóa cơ sở pháp lý về định danh điện tử theo Luật Căn cước năm 2023. Đánh giá thực chứng thực trạng tiếp cận và nhận thức bảo mật VNeID của sinh viên Trường Đại học Thủy lợi; qua đó bóc tách các rào cản kỹ thuật, rủi ro an ninh mạng để đề xuất hệ thống giải pháp ứng dụng học vụ an toàn.

2. Kết quả nghiên cứu:

Thông qua khảo sát 500 sinh viên và xử lý dữ liệu bằng SPSS, kết quả cho thấy tỷ lệ sở hữu VNeID Mức độ 02 đạt thấp (34,2%). Bảng phân tích chéo, nghiên cứu phát hiện nguyên nhân cốt lõi nằm ở rào cản phần cứng khi có tới 33,4% thiết bị Android thiếu chip đọc NFC, cản trở trực tiếp việc tự đăng ký định danh. Đáng chú ý, nhận thức về bảo vệ sinh trắc học của sinh viên còn nhiều lỗ hổng (31,4% sẵn sàng chia sẻ toàn bộ dữ liệu cá nhân), khiến họ dễ trở thành nạn nhân của tội phạm dùng Deepfake. Từ thực trạng trên, đề tài đề xuất hệ thống giải pháp liên ngành: Yêu cầu áp dụng kiến trúc “Zero Trust” và “Liveness Check”; tích hợp API/SSO để số hóa quy trình nhập học; trang bị máy quét VNeID cầm tay chống thi hộ; đồng thời kiến nghị phát hành “Cẩm nang an toàn định danh Thủy lợi” nhằm thúc đẩy lộ trình Đại học không giấy tờ.

**NGHIÊN CỨU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI
NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

SVTH: Nguyễn Hà Trang - 66LUAT2

Lê Mai Hương - 66LUAT2

Nguyễn Minh Nguyệt - 66LUAT2

Nguyễn Ngọc Diễm Thư - 66LUAT2

Nguyễn Đoàn Linh Phương - 66LUAT2

GVHD: TS. Đặng Văn Cường

1. Mục tiêu đề tài:

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về trách nhiệm pháp lý của người dưới 18 tuổi phạm tội. Đánh giá pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế, chỉ ra bất cập trong áp dụng. Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, đảm bảo giáo dục và tái hòa nhập.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu hệ thống hóa lý luận về người chưa thành niên và trách nhiệm hình sự, nhấn mạnh nguyên tắc giáo dục, nhân đạo. Chỉ ra thực trạng gia tăng tội phạm do gia đình, xã hội, mạng xã hội và hạn chế kỹ năng sống; đồng thời nêu khó khăn trong áp dụng pháp luật. Đề xuất hoàn thiện chính sách, tăng biện pháp thay thế, nâng cao phối hợp và chú trọng giáo dục, phòng ngừa tái phạm.

NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM - TIẾP CẬN GÓC ĐỘ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

SVTH: Nguyễn Ngọc Anh - 64LUATHS

Nguyễn Minh Quang - 65LUAT

Lê Thị Thanh Thanh - 65LUAT

GVHD: TS. LS Đặng Văn Cường

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp lý và ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội; đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng tại Việt Nam, chỉ ra kết quả và hạn chế. Trên cơ sở đó, đề tài so sánh với pháp luật quốc tế và đề xuất giải pháp hoàn thiện nhằm bảo đảm tốt hơn quyền con người và tính công bằng trong tố tụng hình sự.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã làm rõ bản chất của nguyên tắc suy đoán vô tội là nguyên tắc pháp lý bảo đảm quyền con người, đồng thời phản ánh thực trạng áp dụng tại Việt Nam còn tồn tại hạn chế như tư duy định kiến buộc tội, “án tại hồ sơ”. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm chuẩn hóa chứng cứ, tăng cường độc lập Tòa án, bảo đảm quyền của người bị buộc tội, cũng như nâng cao năng lực và điều kiện thực thi trong tố tụng hình sự.

**KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH
CHỦ THỂ CHỊU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM
SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)**

SVTH: *Phạm Trần Diệu An - 66LUATKT1*

Nguyễn Thị Khánh Bằng - 66LUATKT1

Chu Đức Hòa - 66LUATKT1

Nguyễn Hoàng Bách - 66LUAT1

Nguyễn Văn Khải - 66LUATKT1

GVHD: *TS. Trần Thị Thanh Huyền*

1. Mục tiêu đề tài:

Làm rõ khoảng trống trong pháp luật hình sự Việt Nam về xác định chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý đối với tội phạm có sử dụng AI. Từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý liên quan đến vấn đề này.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết thúc quá trình nghiên cứu đã làm rõ khoảng trống pháp lý trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Kết quả cho thấy AI chưa được công nhận là chủ thể trách nhiệm hình sự mà chỉ là công cụ phạm tội, nên trách nhiệm vẫn thuộc về cá nhân hoặc pháp nhân thương mại có lỗi. Việc áp dụng Bộ luật Hình sự 2015 và Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 cho thấy vẫn tồn tại khoảng trống về phân định trách nhiệm chuỗi và chứng minh lỗi do tính tự chủ của AI. Điều đó khẳng định nhu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự để nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm sử dụng AI trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠI VIỆT NAM

SVTH: *Lưu Ngọc Anh - K64LUAT-KT*
 Nguyễn Hà Anh - K64LUAT-KT
 Nguyễn Thị Hoàng Yến - K64LUAT-KT

GVHD: *TS. Trần Thị Thanh Huyền*

1. Mục tiêu đề tài:

Mục đích của đề tài là làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý về bảo hộ quyền tác giả trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam, thông qua phân tích pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở đó, đề tài chỉ ra những bất cập, khoảng trống pháp lý, đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật phù hợp với điều kiện phát triển và hội nhập của Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã làm rõ cơ sở lý luận về bảo hộ quyền tác giả trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, nhấn mạnh vai trò của sáng tạo con người và những thách thức đối với pháp luật truyền thống. Trên cơ sở phân tích pháp luật Việt Nam hiện hành, đề tài đánh giá thực trạng và chỉ ra các khoảng trống, bất cập, đặc biệt về xác định tác giả, chủ thể quyền, phạm vi bảo hộ và trách nhiệm pháp lý trong môi trường có AI. Đồng thời, qua so sánh với pháp luật quốc tế, đề tài rút ra kinh nghiệm tham khảo và đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật, gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả thực thi trong bối cảnh chuyển đổi số. Qua đó, nghiên cứu góp phần làm rõ yêu cầu điều chỉnh pháp luật theo hướng linh hoạt, thích ứng với sự phát triển nhanh của công nghệ. Những kết quả này cũng cung cấp cơ sở tham khảo cho quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về quyền tác giả tại Việt Nam trong thời gian tới.

**NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG MUA - BÁN TÍN CHỈ
CARBON. KINH NGHIỆM VÀ KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ,
KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

SVTH: Đặng Thị Thu Huyền - 66LUATKT1

Trịnh Thuỳ Linh - 66LUATKT1

Nguyễn Thu Minh - 66LUATKT1

Hoàng Thị Thu Nga - 66LUATKT1

GVHD: TS. Trần Thị Thanh Huyền

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu hệ thống và toàn diện cơ chế quản lý thị trường mua - bán tín chỉ carbon dưới góc độ pháp lý, phân tích kinh nghiệm quốc tế và đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã đạt được các kết quả chính sau: Hệ thống hóa cơ sở lý luận về làm rõ bản chất kinh tế - pháp lý của tín chỉ carbon, cơ chế vận hành "Hạn ngạch và Giao dịch" và vai trò của hệ thống MRV. Việt Nam vẫn còn những "khoảng trống" như: chưa xác định rõ bản chất tín chỉ carbon là "quyền tài sản" trong Luật Dân sự, thiếu các quy định chi tiết về thuế, phí và cơ chế giải quyết tranh chấp đặc thù. Kết quả nghiên cứu khẳng định việc hoàn thiện pháp lý là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam trước các rào cản xanh như CBAM.

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ TỪ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
THEO ĐỊNH HƯỚNG GIẢM PHÁT THẢI CARBON
VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG XANH**

SVTH: Nguyễn Thu Trang - 64 LKT

Nguyễn Phúc Linh Trang - 64 LKT

Nguyễn Thị Huyền Trang - 64 LDS

GVHD: ThS. Nguyễn Thúy Hằng

1. Mục tiêu đề tài:

Mục đích của nghiên cứu là phân tích và đánh giá một cách toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành về kiểm soát ô nhiễm không khí từ phương tiện giao thông, qua đó chỉ ra những hạn chế và khoảng trống pháp lý. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi, nhằm đáp ứng mục tiêu giảm phát thải carbon và thúc đẩy phát triển giao thông xanh phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu:

Bài nghiên cứu chỉ ra rằng hệ thống pháp luật kiểm soát ô nhiễm không khí từ giao thông tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế: các quy định và công cụ kinh tế hiện chủ yếu tác động đến ô tô và xe máy mới, trong khi chưa kiểm soát hiệu quả nguồn phát thải lớn từ xe máy cũ đang lưu hành. Dù đã có lộ trình phát triển giao thông xanh, hiệu quả thực tiễn còn thấp do hạ tầng chưa đồng bộ và thiếu cơ chế hỗ trợ tài chính cho người dân. Vì vậy, cần ưu tiên thiết lập khu vực phát thải thấp, áp dụng kiểm định khí thải bắt buộc đối với xe máy và triển khai các chính sách trợ cấp chuyển đổi phương tiện nhằm cải thiện chất lượng không khí tại đô thị.

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
TRONG CÁC KHU NHÀ TRỢ (QUA KHẢO SÁT
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI)**

SVTH: *Trịnh Quang Anh - 65LUATKT*

Cáp Trung Nghĩa - 65LUATKT

GVHD: *ThS. Nguyễn Thúy Hằng*

1. Mục tiêu đề tài:

Mục tiêu của đề tài là làm rõ thực trạng thực hiện pháp luật về phòng cháy, chữa cháy trong các khu nhà trọ sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về PCCC, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của sinh viên cũng như cộng đồng dân cư.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết thúc quá trình khảo sát của đề tài đã đưa ra nguồn tài liệu thực chứng quan trọng giúp Trường Đại học Thủy Lợi và Cơ quan Công an địa phương có cái nhìn trực diện vào những "điểm mù" an toàn tại các nhà trọ. Đây không chỉ là một bài nghiên cứu học thuật mà còn là lời cảnh báo về việc cần phải thay đổi phương thức thực thi pháp luật PCCC từ hình thức sang thực chất để bảo vệ tính mạng cho hàng ngàn sinh viên.

**NGHIÊN CỨU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG HỢP ĐỒNG
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG CÔNG
NGHỆ BLOCKCHAIN: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM**

*SVTH: Nguyễn Hồng Tú - 65LUATKT
Nguyễn Thị Thu Anh - 65LUAT
Đỗ Mai Anh - 65LUATKT*

*GVHD: ThS. Nguyễn Thúy Hằng
ThS. Thái Ngọc Thắng*

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của trách nhiệm pháp lý trong hợp đồng thương mại quốc tế được thực hiện bằng công nghệ blockchain, tập trung vào các vấn đề cốt lõi như xác định chủ thể chịu trách nhiệm, căn cứ phát sinh trách nhiệm, luật áp dụng và thẩm quyền tài phán trong môi trường phi tập trung. Trên cơ sở phân tích và so sánh kinh nghiệm pháp lý quốc tế, đề tài hướng tới đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam nhằm bảo đảm tính an toàn và dự đoán được cho các giao dịch thương mại quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi số.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài xác lập rằng trách nhiệm pháp lý trong hợp đồng thương mại quốc tế ứng dụng blockchain được phân bổ theo mô hình đa chủ thể, dựa trên mức độ kiểm soát rủi ro và vai trò thực tế trong giao dịch, thay vì giới hạn trong quan hệ hợp đồng truyền thống. Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra sự suy giảm hiệu lực của các tiêu chí truyền thống về luật áp dụng và thẩm quyền tài phán trong môi trường phi tập trung. Trên cơ sở so sánh kinh nghiệm quốc tế, đề tài nhận diện khoảng trống pháp lý của Việt Nam và đề xuất định hướng hoàn thiện nhằm bảo đảm tính an toàn và khả năng dự đoán của giao dịch thương mại quốc tế trên nền tảng blockchain.

**CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHỮ KÝ SỐ
TRONG QUẢN LÝ, PHÊ DUYỆT VĂN BẢN ĐIỆN TỬ
CỦA TỔ CHỨC ĐOÀN - HỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Trần Hà Trang - 64HTTT2

Lê Văn Quang - 64CNTT3

Trịnh Đức Lương - 64GT2

Cù Thanh Huyền - 65QT - Mar1

GVHD: TS. Nguyễn Thu Nga

ThS. Nguyễn Thúy Hằng

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm xây dựng hệ thống quản lý và phê duyệt văn bản điện tử ứng dụng chữ ký số, qua đó thay thế quy trình thủ công, nâng cao hiệu quả xử lý, đảm bảo tính bảo mật, minh bạch, giá trị pháp lý của văn bản và góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà trường.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống quản lý và phê duyệt văn bản điện tử ứng dụng chữ ký số đã được xây dựng thành công và mang lại hiệu quả rõ rệt. Quy trình xử lý văn bản được số hóa, giúp rút ngắn thời gian phê duyệt và nâng cao hiệu suất làm việc của các cá nhân, đơn vị liên quan. Việc tích hợp chữ ký số đảm bảo tính xác thực, toàn vẹn và không thể chối bỏ của văn bản, đồng thời nâng cao giá trị pháp lý trong môi trường điện tử. Bên cạnh đó, hệ thống còn cải thiện đáng kể công tác lưu trữ và quản lý dữ liệu, hỗ trợ tra cứu, thống kê và báo cáo một cách nhanh chóng, chính xác. Những kết quả này không chỉ góp phần hiện đại hóa hoạt động quản lý văn bản mà còn tạo nền tảng cho việc mở rộng và phát triển các giải pháp chuyển đổi số trong nhà trường.

PHÁP LUẬT VỀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG DÂN SỰ Ở VIỆT NAM TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

SVTH: Nguyễn Thu Hà - 64LUAT - DS

Nguyễn Thị Lan Hương - 64LUAT - DS

Trần Hương Ly - 64LUAT - DS

GVHD: TS. Phan Thị Thanh Huyền

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng đúng quy định pháp luật Việt Nam về chấm dứt hợp đồng dân sự trong sự so sánh với pháp luật của Anh, Đức, cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về chấm dứt hợp đồng dân sự của Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về chấm dứt hợp đồng dân sự.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu đã hệ thống hóa tương đối toàn diện những vấn đề nền tảng liên quan đến chấm dứt hợp đồng dân sự. Qua phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam, nghiên cứu đã chỉ ra 4 nhóm vướng mắc nổi bật về quy định pháp luật, cơ chế xử lý. Từ đó nghiên cứu đề xuất một số nhóm kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng tăng tính rõ ràng, linh hoạt và dự liệu. Những kiến nghị được đưa ra không chỉ có giá trị tham khảo đối với cơ quan lập pháp trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự mà còn có thể là tài liệu hữu ích cho các nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên luật và các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng trong việc hiểu đúng, áp dụng đúng và chủ động phòng ngừa rủi ro pháp lý.

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG
TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TIKTOK SHOP**

SVTH: Hoàng Thị Minh Nguyệt - 66LUAT2

Dương Trúc Quỳnh - 66LUAT2

Ngô Thị Minh Phượng - 66LUAT2

Lê Bá Sự - 66LUAT2

Hoàng Thị Anh Thư - 66LUAT2

GVHD: TS. Phan Thị Thanh Huyền

1. Mục tiêu đề tài

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử, tập trung phân tích mô hình TikTok Shop, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử và nâng cao hiệu quả áp dụng tại Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã làm rõ cơ sở lý luận về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử và đặc điểm mô hình kinh doanh trên nền tảng TikTok Shop. Kết quả cho thấy pháp luật hiện hành tuy tương đối đầy đủ nhưng còn nhiều hạn chế trong việc điều chỉnh mô hình mới, đặc biệt về trách nhiệm của nền tảng. Đồng thời, thực tiễn còn tồn tại các vấn đề như hàng giả, quảng cáo sai sự thật và giải quyết tranh chấp chưa hiệu quả. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất các giải pháp bao gồm hoàn thiện quy định pháp lý, tăng cường trách nhiệm của nền tảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và nhận thức của người tiêu dùng trong môi trường số.

**CHẾ ĐỘ THAI SẢN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2024
DƯỚI GÓC ĐỘ CHUẨN MỰC CỦA TỔ CHỨC
LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

SVTH: Nguyễn Thị Lan Hương - 64LUAT - DS

GVHD: TS. Phan Thị Thanh Huyền

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm nghiên cứu pháp luật Việt Nam hiện hành về chế độ thai sản và đánh giá dưới góc độ so sánh với tiêu chuẩn của tổ chức lao động quốc tế. Từ đó có những đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu đã tổng kết những cải cách vượt bậc trong nội luật hoá các cam kết quốc tế và hoàn thiện chính sách an ninh xã hội tại Việt Nam. Pháp luật Việt Nam không chỉ đạt độ tương thích cao mà ở nhiều tiêu chí còn vượt mức tối thiểu của ILO. Đối với một số hạn chế nhất định xuất phát từ bối cảnh kinh tế - xã hội đặc thù của Việt Nam, nghiên cứu đã đề ra một số giải pháp như thiết lập cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, cân nhắc giảm dần điều kiện đóng BHXH đối với những nhóm lao động yếu thế, làm việc linh hoạt để đảm bảo tính công bằng.

NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ ĐỘ TUỔI KẾT HÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

SVTH: *Trần Hương Ly - 64LUATDS*

GVHD: *ThS. Lê Quỳnh Mai*

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về độ tuổi kết hôn tại Việt Nam; phân tích hai xu hướng đối lập là kết hôn muộn ở khu vực đô thị và tảo hôn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi, góp phần xây dựng gia đình bền vững và bảo đảm chất lượng dân số.

2. Kết quả nghiên cứu:

Phân tích thực trạng cho thấy: Xu hướng kết hôn muộn đang gia tăng, với độ tuổi trung bình lần đầu năm 2024, kéo theo nguy cơ già hóa dân số và thiếu hụt lao động; Vấn nạn tảo hôn vẫn còn dai dẳng, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số, do sự chi phối của phong tục lạc hậu và trình độ dân trí thấp. Đề tài đã chỉ ra những hệ lụy pháp lý và xã hội, đồng thời đề xuất 3 nhóm giải pháp: Hoàn thiện quy định pháp luật, bổ sung chế tài xử lý hành vi chung sống như vợ chồng khi chưa đủ tuổi; Xây dựng chính sách hỗ trợ kinh tế (nhà ở, thuế) cho các cặp đôi kết hôn trước 30 tuổi để khắc phục tình trạng kết hôn muộn; Nâng cao hiệu quả thực thi thông qua đổi mới tuyên truyền gắn với vai trò của người có uy tín trong cộng đồng và tăng cường trách nhiệm của chính quyền cơ sở.

**PHÁP LUẬT VỀ TÀI SẢN MÃ HOÁ TẠI VIỆT NAM:
THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN**

SVTH: Nguyễn Nhật Mỹ Anh - 67LUATKT2

Phạm Mai Anh - 67LUATKT2

Vũ Thảo Anh - 67LUATKT2

Đỗ Hà Chi - 67LUATKT2

GVHD: ThS. Lê Quỳnh Mai

1. Mục tiêu đề tài:

Phân tích và làm rõ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về tài sản mã hoá, đồng thời đánh giá thực trạng hình thành và phát triển của tài sản mã hoá tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025. Trên cơ sở nghiên cứu, so sánh quy định pháp luật về tài sản mã hoá của một số quốc gia trên thế giới, đề tài hướng tới việc rút ra các bài học kinh nghiệm, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh tài sản mã hoá tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tài sản mã hoá, bao gồm khái niệm, đặc điểm, bản chất và các vấn đề pháp lý đặt ra trong quá trình điều chỉnh. Trên cơ sở đó, đề tài phân tích thực trạng tài sản mã hoá tại Việt Nam, đánh giá chính sách quản lý, thực tiễn áp dụng pháp luật và chỉ ra những hạn chế, bất cập cùng nguyên nhân. Đồng thời, thông qua việc nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia và tổ chức quốc tế, đề tài đã đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý về tài sản mã hoá tại Việt Nam trong thời gian tới.

NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

SVTH: Nguyễn Thị Huyền - 64LUAT1

Trần Phương Anh - 64LUAT1

Nguyễn Quang Đăng - 64LUAT1

Nguyễn Đình Phúc - 64LUAT1

GVHD: ThS. Lê Quỳnh Mai

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quyền riêng tư và bảo vệ quyền riêng tư trên không gian mạng. Phân tích, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo vệ quyền riêng tư trên không gian mạng và thực tiễn áp dụng các quy định đó. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư trên không gian mạng ở Việt Nam trong thời gian tới.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cốt lõi, làm rõ sự chuyển dịch từ bảo vệ các giá trị nhân thân truyền thống sang quyền kiểm soát dữ liệu điện tử và không gian số của cá nhân; phân tích các quy định pháp luật hiện hành, làm rõ những bất cập, hạn chế trong quy định pháp luật. Đồng thời, làm rõ thực trạng áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư trên không gian mạng ở Việt Nam thông qua việc đánh giá các khó khăn trong cơ chế chứng minh thiệt hại, phân tích một số trường hợp vi phạm điển hình. Trên cơ sở đó, nhóm đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý và nâng cao hiệu quả thực thi, gồm: xây dựng luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thiết lập cơ chế "đảo ngược nghĩa vụ chứng minh", bắt buộc tuân thủ nguyên tắc thiết kế bảo mật, tăng cường cơ chế kiểm tra xử lý vi phạm và nâng cao nhận thức, kỹ năng tự bảo vệ của người dân.

NGHIÊN CỨU BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRONG XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

SVTH: Bùi Đức Huy - 64LUATDS

Đào Thị Khánh Linh - 64LUATDS

GVHD: ThS. Lê Thị Huyền Trang

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu cơ sở lý luận về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đối chiếu với quy định pháp luật hiện hành và thực trạng áp dụng các quy định đó vào thực tiễn xét xử, nhóm nghiên cứu rút ra những điểm bất cập về quy định hiện hành cũng như thực trạng áp dụng. Từ đó đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện chế định và nâng cao hiệu quả việc áp dụng.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã làm rõ bản chất của BPKCTT là công cụ tố tụng đặc biệt mang tính cấp bách nhằm ngăn chặn xâm phạm và bảo toàn chứng cứ, đồng thời phản ánh thực trạng áp dụng tại Việt Nam đang ở mức rất thấp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm góp phần hoàn thiện chế định về biện pháp khẩn cấp tạm thời, nâng cao hiệu quả việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam.

**PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU
TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

SVTH: *Đỗ Thị Huyền Trang - 66 LUATKT1*

GVHD: *ThS. Lê Thị Huyền Trang*

1. Mục tiêu đề tài:

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trên không gian mạng, đối chiếu quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trên không gian mạng ở Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy việc xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trên không gian mạng đang đặt ra nhiều thách thức mới do đặc tính phi biên giới, tốc độ lan truyền nhanh và tính ẩn danh của môi trường số. Nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận, đặc điểm cũng như thực trạng pháp luật hiện hành của Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trên không gian mạng trong mối tương quan với các chuẩn mực quốc tế như Hiệp định TRIPS, Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA. Trên cơ sở đó, đề tài chỉ ra những hạn chế trong cơ chế thực thi, đặc biệt liên quan đến trách nhiệm của bên trung gian, chứng cứ điện tử và hiệu quả áp dụng chế tài. Đồng thời, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ và tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh số minh bạch và bền vững.

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHATBOT AI
HỖ TRỢ HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Trần Hà Trang - 64 HTTT2

Lê Văn Quang - 64 CNTT3

Vũ Thị Thanh Nhài - 64 HTTT3

GVHD: TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú

ThS. Lê Thị Huyền Trang

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu, triển khai và đánh giá khả năng ứng dụng chatbot vào để hỗ trợ học tập các môn lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Thủy lợi, từ đó có những đề xuất định hướng triển khai và phát triển phù hợp trong thực tế nhà trường

2. Kết quả nghiên cứu:

Xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn làm rõ vai trò và ý nghĩa các môn lý luận chính trị và những khó khăn gặp phải, đưa ra giải pháp ứng dụng chatbot trong quá trình học tập. Xây dựng và triển khai thành công hệ thống chatbot có thể truy cập và khai thác được trên môi trường Internet. Qua đó có thể đánh giá được sự khả thi, hiệu quả, trải nghiệm của sinh viên cũng như những góp ý để sản phẩm ngày càng hoàn thiện.

**QUYỀN KẾT HÔN CỦA CÁC CẶP ĐÔI ĐỒNG GIỚI
TẠI TRUNG QUỐC, CUBA VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ
GIÚP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

SVTH: Nguyễn Minh Thư - K64LUAT-KT

Nguyễn Huy Hoàng - K64LUAT-DS

GVHD: TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú

ThS. Lê Thị Huyền Trang

1. Mục tiêu đề tài:

Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích và làm rõ sự ghi nhận quyền kết hôn của các cặp đôi đồng giới trong pháp luật tại Trung Quốc và Cuba, qua đó chỉ ra những thuận lợi và hạn chế của việc hợp pháp hóa hoặc không hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Trên cơ sở đó nhằm rút ra bài học, gợi ý chính sách phù hợp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình ở Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và pháp lý về quyền kết hôn đồng giới trong pháp luật Trung Quốc và Cuba, từ đó phân tích thực trạng tại Việt Nam. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có bước chuyển biến theo hướng tích cực khi chuyển từ “cấm” sang “không thừa nhận” hôn nhân đồng giới, quy định hiện hành vẫn chưa bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cặp đôi đồng giới. Trên cơ sở đó, đề tài đưa ra các dự báo hệ quả tiêu cực nếu không hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới (qua tham chiếu kinh nghiệm Trung Quốc), đồng thời phân tích những tác động tích cực của việc hợp pháp hóa dựa trên kinh nghiệm của Cuba và các nghiên cứu liên quan.

**NGHIÊN CỨU NHẬN DIỆN RỦI RO VÀ THÁCH THỨC
TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ XANH ĐỐI VỚI
HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM: BÀI HỌC KINH NGHIỆM
TỪ HÀN QUỐC VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU**

SVTH: Nguyễn Hồng Tú - 65LUATKT
Phạm Thị Kiều Anh - 65LUAT
Lê Huyền Trang - 64LUATKT
Đoàn Phi Nhung - 66LUATKT2

GVHD: ThS. Vũ Thị Minh Hằng

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài phân tích các tiêu chí xanh chủ yếu (CBAM, EUDR, tiêu chuẩn môi trường) đang tác động đến xuất khẩu của Việt Nam, qua đó làm rõ các thách thức đối với doanh nghiệp. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của Hàn Quốc và EU, đề tài đề xuất định hướng nâng cao năng lực thích ứng trong bối cảnh thương mại xanh.

2. Kết quả nghiên cứu:

Thông qua phân tích, nghiên cứu xác định các thách thức chủ yếu bao gồm: chi phí tuân thủ gia tăng, hạn chế về công nghệ và năng lực quản trị môi trường của doanh nghiệp, cũng như sự thiếu hoàn thiện trong khung pháp lý và cơ chế hỗ trợ trong nước. Đồng thời, kinh nghiệm từ Hàn Quốc và Liên minh châu Âu cho thấy xu hướng chuyển từ tuân thủ thụ động sang chủ động xây dựng hệ thống tiêu chuẩn xanh và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, đề tài làm rõ khoảng trống trong chính sách của Việt Nam và đề xuất định hướng hoàn thiện nhằm bảo đảm khả năng thích ứng và nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu trong bối cảnh chuyển đổi xanh.

TỘI PHẠM LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN MÃ HÓA TẠI VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

SVTH: Đặng Dung Nhi - 64 LUATKT

Lê Việt Bích Ngọc - 64 LUATKT

Nguyễn Quỳnh Hương - 64LUATDS

Nguyễn Ngọc Anh - 64 LUATDS

GVHD: ThS. Vũ Thị Minh Hằng

1. Mục tiêu đề tài:

Mục tiêu của đề tài là hệ thống hóa lý luận về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong môi trường kỹ thuật số và đánh giá toàn diện thực trạng pháp luật Việt Nam trước sự biến tướng của tiền mã hóa. Nghiên cứu tập trung nhận diện các phương thức phạm tội mới như “Rug Pull”, mô hình đa cấp biến tướng và làm rõ những “nghịch lý pháp lý” trong công tác tố tụng hiện nay. Từ đó, đề tài hướng tới việc đề xuất lộ trình hoàn thiện khung pháp lý về tài sản số và xây dựng cơ chế tố tụng đặc thù, nhằm bảo vệ quyền sở hữu của người dân và đảm bảo an ninh kinh tế số.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã hệ thống hóa lý luận và xác lập cơ sở khoa học để định danh tiền mã hóa là tài sản số, giúp giải quyết triệt để "nghịch lý pháp lý" trong bảo hộ quyền sở hữu tại Việt Nam. Thông qua phân tích các vụ án điển hình như Mr. Pips và AntEx, nghiên cứu đã nhận diện chính xác những "nút thắt" về định giá thiệt hại và rào cản kỹ thuật trong truy vết chứng cứ trên Blockchain. Từ đó, đề tài đề xuất hệ thống giải pháp đột phá gồm: thiết lập Lệnh phong tỏa ví khẩn cấp, hình thành Hội đồng định giá tài sản số liên ngành và xây dựng khung chế tài đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP). Những kết quả này cung cấp luận cứ quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong bối cảnh kinh tế số.

**TÍN DỤNG TIÊU DÙNG TRONG SINH VIÊN
ĐẠI HỌC THỦY LỢI - THỰC TRẠNG
VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT**

SVTH: Trần Hồng Nhung - 64LUAT-KT

Nguyễn Lan Nhi - 64LUAT-KT

Lê Huyền Trang - 64LUAT-KT

GVHD: ThS. Vũ Thị Minh Hằng

1. Mục tiêu đề tài:

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu có hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam về tín dụng tiêu dùng đối với sinh viên, từ đó đề xuất định hướng hoàn thiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Dù pháp luật hiện hành như Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 đã có bước tiến, nhưng vẫn còn thiếu quy định riêng cho sinh viên. Vì vậy, việc nghiên cứu để làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, khung pháp lý và làm rõ đặc điểm sinh viên - nhóm có nhu cầu tiêu dùng cao nhưng hạn chế về thu nhập, kiến thức pháp luật. Khảo sát tại Đại học Thủy lợi cho thấy nhiều rủi ro trong vay tiêu dùng như sử dụng app vay nhanh, thiếu hiểu biết tài chính (35%) và bị quấy rối đòi nợ (20%), phản ánh sự bất cân xứng với tổ chức tín dụng. Từ đó, đề tài kiến nghị hoàn thiện pháp luật (Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023) và nâng cao vai trò nhà trường, ý thức tự bảo vệ của sinh viên nhằm xây dựng môi trường tài chính an toàn, minh bạch.

**BẢO VỆ QUYỀN HÌNH ẢNH CÁ NHÂN TRÊN
KHÔNG GIAN MẠNG TRƯỚC THÁCH THỨC
CỦA CÔNG NGHỆ AI VÀ DEEPPFAKE - THỰC TRẠNG
VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

SVTH: Nguyễn Thị Diệp - 66LUATKT2

Phạm Thị Mai Anh - 66LUATKT2

Phạm Thị Ánh - 66LUATKT2

Trần Huy Long - 66LUAT1

GVHD: TS. Nguyễn Văn Sỹ

1. Mục tiêu đề tài:

Làm sáng tỏ lý luận và đánh giá thực trạng pháp luật, thực tiễn bảo vệ quyền hình ảnh cá nhân trước sự xâm phạm từ công nghệ AI và Deepfake. Từ đó, đề tài đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện khung pháp lý và thiết lập cơ chế quản trị rủi ro hiệu quả tại Việt Nam hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài làm rõ bản chất pháp lý của hình ảnh cá nhân số, phân định ranh giới với hình ảnh giả lập (Deepfake). Nghiên cứu chỉ ra hạn chế của tư duy "hậu kiểm", độ trễ xử lý so với tốc độ lan truyền vi phạm và sự thiếu hụt kiến thức tự bảo vệ của người dùng. Qua đó, đề tài xây dựng mô hình bảo vệ đa tầng phòng ngừa chủ động: đẩy mạnh giáo dục đạo đức số và kỹ năng nhận diện AI; yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới kiểm duyệt, dán nhãn nội dung AI; đồng thời kiến nghị tái cấu trúc tiêu chí chứng minh thiệt hại dân sự và cá thể hóa trách nhiệm hình sự nhằm bảo vệ toàn diện quyền nhân thân trong kỷ nguyên số.

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG
TỘI PHẠM LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN SỬ DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

SVTH: Nguyễn Thị Quỳnh Anh - 65LUAT KT

Trần Quý Anh - 65LUAT KT

Vũ Thị Diệu Linh - 65LUAT KT

Trần Hương Ly - 65LUAT KT

Cáp Trung Nghĩa - 65LUAT KT

GVHD: TS. Nguyễn Văn Sỹ

1. Mục tiêu đề tài:

Tìm hiểu và đánh giá thực trạng tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao tại Việt Nam hiện nay; từ đó xác định các nguyên nhân tồn tại và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa loại tội phạm này trong tình hình mới.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết thúc quá trình khảo sát hệ thống hóa các quy luật hoạt động của tội phạm lừa đảo sử dụng công nghệ cao hiện nay, đồng thời đưa ra kiến nghị cụ thể về việc phong tỏa tài khoản ngân hàng theo thời gian thực. Đề xuất các phương thức tuyên truyền số hiện đại giúp hình thành ý thức pháp luật vững chắc cho người dân.

**NGHĨA VỤ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH
CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT HÓA CHẤT
THEO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020
- TIẾP CẬN TỪ YÊU CẦU NET ZERO**

SVTH: Nguyễn Minh Thư - 64LUAT-KT

Nguyễn Thị Hoàng Yến - 64LUAT-KT

GVHD: ThS. Nguyễn Như Quảng

1. Mục tiêu đề tài:

Làm sáng tỏ nghĩa vụ pháp lý và thực trạng thực hiện giảm phát thải KNK của doanh nghiệp sản xuất hóa chất theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 - tiếp cận từ yêu cầu Net Zero. Từ đó, đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp sản xuất hóa chất, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và pháp lý về nghĩa vụ giảm phát thải khí nhà kính của doanh nghiệp sản xuất hóa chất theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích thực trạng thực hiện tại Việt Nam, ghi nhận một số kết quả bước đầu như triển khai kiểm kê khí nhà kính và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại các hạn chế như thiếu đồng bộ trong hướng dẫn kỹ thuật, chi phí tuân thủ cao và mức độ sẵn sàng tham gia thị trường carbon còn thấp. Từ đó, đề tài chỉ ra nguyên nhân từ thể chế và năng lực doanh nghiệp, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG HIỆN NAY

SVTH: Lê Thị Thu Hà - 66LUATKT2

Nguyễn Danh Thành - 66LUATKT2

Hồ Văn Trần Công - 66LUATKT2

GVHD: ThS. Nguyễn Như Quảng

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận nhận thức của sinh viên về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng như: Khái niệm, đặc điểm, nội dung và các nhân tố ảnh hưởng. Từ đó, làm sáng tỏ thực trạng, rút ra một số đánh giá, nhận xét và đề xuất một số phương hướng, nhóm giải pháp gắn với từng chủ thể có liên quan nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu của đề tài đã làm sáng tỏ thực trạng nhận thức của sinh viên về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Trong đó, sinh viên có thái độ chính trị rất tích cực, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và thể hiện sự bức xúc trước các luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch. Tuy nhiên, hành vi thực tiễn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do sự hiểu biết về tri thức lý luận chính trị, kinh nghiệm thực tiễn chưa sâu sắc nên đã dẫn đến tâm lý e dè, né tránh và không có hành động quyết liệt mặc dù kỹ năng số rất cao. Để tháo gỡ những hạn chế trên, đề tài đã đề xuất ba nhóm giải pháp gắn với ba chủ thể có liên quan đó là sinh viên, các trường đại học, học viện và hệ thống chính trị, cơ quan quản lý nhà nước. Các nhóm giải pháp có mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay, cần được triển khai quyết liệt và liên tục.

NGHIÊN CỨU VỀ NGUY CƠ BỊ LỪA ĐẢO XUYỀN QUỐC GIA ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI SỐ

SVTH: Nguyễn Thị Mai Linh- 66 LUATKT2

GVHD: ThS. Nguyễn Như Quảng

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến lừa đảo xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao và tính chất xuyên quốc gia của các loại tội phạm này. Nhận diện các hình thức, thủ đoạn lừa đảo xuyên quốc gia phổ biến nhắm vào sinh viên hiện nay. Từ đó, làm rõ thực trạng mức độ nhận thức, thái độ, kỹ năng phòng vệ của sinh viên trước loại tội phạm này. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho sinh viên và các chủ thể khác có liên quan nhằm hạn chế tình trạng sinh viên bị lừa đảo xuyên quốc gia trong thời đại số hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên hiện nay là nhóm thường xuyên tham gia môi trường số với tần suất cao, sử dụng Internet cho học tập, giao tiếp, giải trí và tìm kiếm việc làm. Điều này khiến sinh viên trở thành đối tượng dễ bị các hình thức lừa đảo xuyên quốc gia nhắm đến. Kết quả nghiên cứu của đề tài là mặc dù phần lớn sinh viên đã có nhận thức nhất định về lừa đảo trên không gian mạng, nhưng mức độ hiểu biết và khả năng nhận diện rủi ro vẫn chưa đồng đều. Một bộ phận sinh viên vẫn dễ bị thu hút bởi các lời mời hấp dẫn liên quan đến việc làm, đầu tư hoặc lợi ích tài chính. Bên cạnh đó, kỹ năng phòng tránh và ý thức tự bảo vệ của nhiều sinh viên còn hạn chế. Từ thực trạng đó, đề tài đã đề xuất các giải pháp như tăng cường truyền thông, giáo dục kỹ năng an toàn số, hoàn thiện khung pháp lý và đẩy mạnh sự phối hợp giữa nhà trường, cơ quan quản lý và các tổ chức liên quan nhằm bảo vệ sinh viên tốt hơn trước các nguy cơ lừa đảo trong thời đại số.

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY

SVTH: Nguyễn Thị Ngọc Thảo - 65LUATKT

Mai Thị Huyền - 65LUATKT

Lò Thị Anh - 65LUATKT

GVHD: TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú

1. Mục tiêu đề tài:

Trên cơ sở phân tích thực trạng văn hóa học đường của sinh viên Trường Đại học Thủy lợi, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm xây dựng và phát triển văn hóa học đường lành mạnh, văn minh, mang bản sắc sinh viên Đại học Thủy lợi hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu về xây dựng văn hóa học đường cho sinh viên Trường Đại học Thủy lợi cho thấy văn hóa học đường đã được hình thành nhưng chưa đồng đều, vẫn còn tồn tại một số hạn chế về ý thức học tập, tác phong và cách ứng xử của sinh viên. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ của sinh viên, tác động của môi trường xã hội hiện đại và việc tổ chức giáo dục văn hóa trong nhà trường chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp có tính khả thi như nâng cao nhận thức, hoàn thiện quy tắc ứng xử, tăng cường hoạt động ngoại khóa và phát huy vai trò của giảng viên. Kết quả nghiên cứu khẳng định việc xây dựng văn hóa học đường có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hình thành nhân cách và phát triển toàn diện cho sinh viên, đồng thời cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên, sinh viên và xã hội để đạt hiệu quả bền vững.

ĐÁNH GIÁ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

SVTH: Trần Thị Thu Huế - 66QT2

Nguyễn Khánh Linh - 66QT2

Nguyễn Thu Trang - 66QT2

GVHD: ThS. Lê Thúy Hà

1. Mục tiêu đề tài:

Đánh giá sự biến đổi của các giá trị Nho giáo đối với giáo dục gia đình Việt Nam trong bối cảnh xã hội hiện nay. Thông qua đó, làm rõ những giá trị đạo đức tích cực của Nho giáo vẫn còn phù hợp và đang được duy trì trong đời sống gia đình. Đồng thời, đề tài hướng tới việc xác định những yếu tố cần điều chỉnh và đề xuất định hướng phát huy các giá trị phù hợp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình Việt Nam hiện đại.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ làm rõ mức độ ảnh hưởng và sự biến đổi của các giá trị Nho giáo trong giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu chỉ ra những giá trị tích cực như hiếu thảo, tôn trọng cha mẹ, đề cao đạo đức vẫn được duy trì và có ý nghĩa trong đời sống gia đình. Đồng thời, một số yếu tố của Nho giáo đã thay đổi hoặc không còn phù hợp với bối cảnh xã hội hiện đại. Từ đó, đề tài xác định những giá trị cần được kế thừa và phát huy trong giáo dục gia đình. Kết quả nghiên cứu cũng góp phần đề xuất định hướng vận dụng các giá trị Nho giáo phù hợp với xã hội Việt Nam hiện nay.

**NGHIÊN CỨU PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN
TRONG VIỆC KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN
CỦA SINH VIÊN KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: *Phạm Thành An - 67Luat1*

Phạm Lâm Tường Vy - 67Luat1

Trương Thị Thúy Ngân - 67LuatKT1

GVHD: *TS. Ngô Thị Hương*

ThS. Lê Thúy Hà

1. Mục tiêu đề tài:

Làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của Đoàn Thanh niên trong việc khơi dậy khát vọng phát triển của sinh viên Khoa Luật và Lý luận chính trị.

2. Kết quả nghiên cứu:

Từ những vấn đề lý luận về khát vọng phát triển của sinh viên và vai trò của Đoàn Thanh niên trong khơi dậy khát vọng phát triển đó, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực tiễn về vai trò của Đoàn Thanh niên trong khơi dậy khát vọng phát triển của sinh viên khoa Luật và Lý luận chính trị, trường Đại học Thủy Lợi. Qua khảo sát cho thấy bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay hoạt động Đoàn vẫn đối mặt với những vấn đề: tỷ lệ tham gia không thường xuyên còn cao (78,4%), hoạt động đôi khi còn mang tính hình thức và chưa gắn kết sâu sắc với đặc thù nghề nghiệp luật. Sự quá tải trong chương trình học và kỹ năng quản lý thời gian chưa tốt của sinh viên chính là rào cản lớn nhất ngăn trở sự lan tỏa của các phong trào Đoàn. Để thực sự trở thành cầu nối khơi nguồn khát vọng, nghiên cứu đã đề xuất các nhóm giải pháp bao gồm: về định hướng và nhận thức; về đổi mới nội dung, hình thức hoạt động; về kết nối và nguồn lực; về cơ chế, chính sách. Từ các giải pháp này tạo thành hệ sinh thái hỗ trợ, thúc đẩy Đoàn Thanh niên chuyển mình từ vai trò quản lý sang đồng hành, giúp sinh viên tự tin hiện thực hóa khát vọng trong kỷ nguyên số.

**NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
CỦA SINH VIÊN LUẬT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI TRONG
ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRÊN CÁC NỀN TẢNG SỐ**

SVTH: Trần Thị Kim Hạnh - 66 LKT2

Dương Công Trình - 66 LKT2

GVHD: TS. Ngô Thị Hương

ThS. Lê Thúy Hà

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm đánh giá nhận thức và trách nhiệm pháp lý của sinh viên Luật Trường Đại học Thủy Lợi trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên các nền tảng số, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao ý thức pháp luật và vai trò của sinh viên trong việc sử dụng mạng xã hội một cách đúng đắn và hiệu quả.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên Luật đã có nhận thức nhất định về vai trò của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên các nền tảng số, tuy nhiên mức độ hiểu biết về trách nhiệm pháp lý và kỹ năng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái còn chưa đồng đều. Một số sinh viên vẫn chưa chủ động trong việc phát hiện và xử lý thông tin sai lệch trên mạng xã hội. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất các giải pháp như tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao kỹ năng nhận diện thông tin, phát huy vai trò của sinh viên Luật trong tuyên truyền và lan tỏa thông tin chính thống, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

**NGHIÊN CỨU CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP TRONG KINH TẾ
TUẦN HOÀN CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Trần Thị Ánh Dương - 66K1

Nguyễn Thị Hồng - 66LG2

Trần Thị Thúy - 66LG2

GVHD: ThS. Lê Thúy Hà

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu một cách hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến cơ hội việc làm trong nền kinh tế tuần hoàn (KTTH) đối với sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Thủy lợi, từ đó xây dựng các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của người học trong thị trường lao động xanh.

2. Kết quả nghiên cứu:

Sau khi nghiên cứu 337 sinh viên khoa Kinh tế và Quản lý, Trường đại học Thủy lợi khẳng định sinh viên khoa Kinh tế và Quản lý đang sở hữu tiềm năng rất lớn để trở thành nguồn nhân lực then chốt cho nền kinh tế tuần hoàn. Nhà trường cần định hướng và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực xanh, cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp đào tạo, phát triển học liệu, tăng cường kết nối doanh nghiệp, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của sinh viên về KTTH, xây dựng các mạng lưới cựu sinh viên đang làm việc trong các lĩnh vực bền vững để tận dụng nguồn nhân lực dồi dào đó.

ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN NHẬN THỨC CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY

*SVTH: Nguyễn Thu Hà - 64LUATDS
Nguyễn Quỳnh Hương - 64LUATDS
Hoàng Thanh Hằng - 64LUATDS
Vũ Ngân Hà - 64LUAKT
GVHD: TS. Đào Thu Hiền
ThS. Phạm Văn Hiến*

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu nhằm làm rõ tác động của mạng xã hội đến nhận thức chính trị của sinh viên Trường Đại học Thủy lợi, trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về nhận thức chính trị và mạng xã hội, đồng thời làm rõ tác động của mạng xã hội đến sinh viên. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách giữa nhận thức và hành động khi nhiều sinh viên chưa chủ động phản biện hoặc lan tỏa thông tin chính thống. Từ đó, đề tài đề xuất các giải pháp từ phía sinh viên, gia đình, nhà trường, tổ chức Đoàn - Hội và cơ quan quản lý nhằm nâng cao nhận thức chính trị và sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm trong bối cảnh hiện nay.

**PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG LMS TRÊN CƠ SỞ ỨNG DỤNG
TRÍ TUỆ NHÂN TẠO NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC DẠY
VÀ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI HIỆN NAY**

SVTH: Nguyễn Anh Huy - 64CNTT3

Phan Thị Phương Anh - 64CNTT2

Lê Đức Chiến - 64KTPM3

GVHD: TS. Đào Thu Hiền

ThS. Phạm Văn Hiến

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm phát triển hệ thống LMS tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Thủy lợi. Hệ thống hỗ trợ giảng viên trong tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả, đồng thời giúp sinh viên học tập chủ động trong môi trường học tập số có khả năng cá nhân hóa thông qua các công cụ AI.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đã đề xuất và xây dựng hệ thống LMS tích hợp trí tuệ nhân tạo theo kiến trúc ba tầng, gồm giao diện người dùng, xử lý nghiệp vụ và tầng AI. Hệ thống hỗ trợ các chức năng chính như quản lý học liệu, kiểm tra - đánh giá (quiz, bài tập), trợ lý học tập AI (chatbot) và phân tích học tập cá nhân hóa dựa trên dữ liệu, đồng thời tích hợp chức năng chấm điểm tự động từ file Excel.

Kết quả thử nghiệm cho thấy hệ thống góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học, giúp giảng viên giảm tải trong tạo đề, chấm điểm và theo dõi tiến độ, đồng thời cải thiện mức độ chủ động và kết quả học tập của sinh viên. Mô hình bước đầu chứng minh tính khả thi khi triển khai tại Trường Đại học Thủy lợi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

SVTH: *Trịnh Đăng Khoa - 66CTN*

Vũ Hồng Ngọc - 66CTN

Vũ Quỳnh Anh - 66TMDT1

Nguyễn Xuân An - 66CNTT1

Nguyễn Trịnh Minh Toàn - 66LUAT-KT2

GVHD: *TS. Nguyễn Thị Nga*

1. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trường Đại học Thủy lợi, đánh giá thực trạng của chuyển đổi số trong giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất hệ thống giải pháp để nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên nhà trường.

2. Kết quả nghiên cứu:

Từ phân tích thực trạng chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, đề tài đã phân tích những khó khăn và thuận lợi của giảng viên và sinh viên trong quá trình chuyển đổi số, những yếu tố ảnh hưởng đến việc giảng dạy của giảng viên trong quá trình chuyển đổi số như: Nhận thức của giảng viên về chuyển đổi số; mức độ ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy; và những yếu tố ảnh hưởng đến học tập sinh viên trong quá trình chuyển đổi số như: Nhận thức và thái độ của sinh viên; kỹ năng số và khả năng học tập trong môi trường số. Trên cơ sở phân tích những kết quả, hạn chế cũng như nguyên nhân của những hạn chế, đề tài đã đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trường Đại học Thủy lợi.

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC DIỄN BIẾN HÒA BÌNH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

SVTH: Nguyễn Thị Thanh Loan - 66QT2

Nguyễn Hồng Mai - 66QT2

Phan Hải Ngân - 66QT2

Đinh Hoàng Thùy Linh - 66TCNH1

Vũ Minh Nguyệt - 66TCNH1

GVHD: ThS. Vương Thị Huệ

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu thực trạng chiến lược “Diễn biến hòa bình” trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận, xây dựng mô hình nghiên cứu định lượng và phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố như nhận thức, hành vi phản ứng và mức độ tiếp xúc thông tin đến khả năng phòng chống của sinh viên. Từ đó, đề tài hướng tới việc đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng và trách nhiệm của sinh viên trong việc phòng, chống các thông tin sai lệch, xuyên tạc trên không gian mạng.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết thúc quá trình khảo sát đã xây dựng được mô hình đánh giá thực trạng nhận thức của sinh viên trước chiến lược “Diễn biến hòa bình” trên không gian mạng. Kết quả thu được cho thấy có đến 97,6% sinh viên từng tiếp xúc với các thông tin sai lệch, xuyên tạc trên mạng xã hội. Phân tích hồi quy xác nhận mô hình giải thích được 63,7% sự biến thiên trong nhận thức và hành vi của đối tượng nghiên cứu, với nhân tố hành vi phản ứng có tác động chủ đạo ($\beta = 0,703$). Nghiên cứu đã chứng minh được tính cấp thiết của việc trang bị kỹ năng nhận diện thủ đoạn công nghệ cao và đề xuất thành công 5 nhóm giải pháp chiến lược nhằm nâng cao năng lực tự sàng lọc thông tin cho sinh viên hiện nay.

**NGHIÊN CỨU VỀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Nguyễn Thị Diệp - 66LUATKT2

GVHD: ThS. Đào Mộng Anh

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý tài chính cá nhân của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Thủy lợi dưới sự tác động của môi trường sống và các nền tảng thanh toán số. Từ đó, đề tài nhận diện những rào cản hành vi, nguyên nhân cốt lõi dẫn đến mất cân đối thu chi và đề xuất một mô hình quản lý tài chính linh hoạt, đặc thù cùng hệ thống các giải pháp can thiệp về giáo dục và công nghệ nhằm nâng cao năng lực tự chủ tài chính cho sinh viên.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả khảo sát trên 350 sinh viên cho thấy 28,6% liên tục đối mặt với tình trạng thiếu hụt tài chính. Nguyên nhân chủ yếu do các rào cản hành vi chủ quan bao gồm: chi tiêu bốc đồng, chi nhiều cho giải trí, mua sắm và thiếu kỹ năng lập dự toán... Dựa trên thực trạng đó, đề tài đã thiết kế Mô hình phân bổ ngân sách linh hoạt S-Budget. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất bộ giải pháp thực tiễn để phòng ngừa rủi ro tín dụng, và giáo dục nhận thức qua định dạng trực quan nhằm đáp ứng thói quen tiếp nhận thông tin của sinh viên trong kỷ nguyên số.

**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
CHO GIÁO DỤC VÀ HỌC NGHỀ CỦA HỘ GIA ĐÌNH
SAU THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HẢI PHÒNG:
SO SÁNH TRONG BỐI CẢNH ÁP DỤNG LUẬT ĐẤT ĐAI 2013
VÀ LUẬT ĐẤT ĐAI 2024**

SVTH: Đặng Dung Nhi - 64 LUATKT

Lê Việt Bích Ngọc - 64 LUATKT

Hoàng Thanh Hằng - 64LUATDS

Trần Huy Long - 66 LUAT1

GVHD: ThS. Đào Mộng Anh

1. Mục tiêu đề tài:

Phân tích và đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục và học nghề của hộ gia đình sau khi bị thu hồi đất nông nghiệp tại Hải Phòng. Thông qua việc so sánh tác động giữa Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024, chỉ ra những kết quả đạt được, những khó khăn còn tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy đầu tư vốn nhân lực và chuyển đổi sinh kế bền vững cho người dân trong bối cảnh thực thi pháp luật mới.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu đánh giá tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp tại Hải Phòng đến đầu tư giáo dục, học nghề trong giai đoạn chuyển tiếp Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024, cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong cơ chế đầu tư giáo dục giữa hai nhóm hộ. Trong khi các hộ không chịu ảnh hưởng vẫn duy trì mô hình đầu tư dựa trên vốn con người truyền thống, thì các hộ bị thu hồi đất đã chuyển dịch sang mô hình phức tạp hơn, chịu chi phối mạnh mẽ bởi các yếu tố kinh tế như tài chính, thời điểm thu hồi và tính ổn định sinh kế. Qua đó, nghiên cứu khẳng định các nguồn lực tài chính, thời điểm và cơ chế thể chế đang đóng vai trò quyết định trong sự phát triển vốn nhân lực tại địa phương.

**NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ GÂY RA ÁP LỰC HỌC TẬP
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN
CHÍNH TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Nguyễn Minh Ngọc - 65LUAT

Tăng Thu Hiền - 65LUAT

Ngô Thị Minh Phượng - 66LUAT2

GVHD: TS. Tô Mạnh Cường

ThS. Đào Ngọc Lưu

1. Mục tiêu đề tài:

Xác định các yếu tố gây ra áp lực học tập và đánh giá mức độ ảnh hưởng của chúng đối với sinh viên Khoa Luật và Lý luận Chính trị, Trường Đại học Thủy lợi. Từ đó, đề xuất hệ thống giải pháp thực tiễn nhằm giúp sinh viên giảm thiểu áp lực học tập và nâng cao chất lượng học tập.

2. Kết quả nghiên cứu:

Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá áp lực học tập và điều tra, khảo sát thực trạng áp lực học tập đối với sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy áp lực học tập là hiện tượng phổ biến, xuất phát từ nhiều yếu tố như khối lượng kiến thức lớn, áp lực điểm số, kỳ vọng từ gia đình và khả năng quản lý thời gian. Áp lực có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên theo khóa học, giới tính, học lực, trong đó sinh viên năm nhất và năm cuối chịu áp lực cao hơn. Áp lực học tập ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần, hiệu quả học tập và đời sống cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp từ phía nhà trường, gia đình và bản thân sinh viên nhằm giảm thiểu áp lực và nâng cao chất lượng học tập.

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC NGHE ASMR
ĐẾN VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

SVTH: Phạm Thị Ánh - 66LUATKT2

GVHD: TS. Tô Mạnh Cường

ThS. Đào Ngọc Lưu

1. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng ASMR Study Videos đối với sinh viên Trường Đại học Thủy lợi và đánh giá tác động của loại nội dung này đến khả năng tập trung, cảm xúc, thói quen và kết quả học tập của sinh viên, từ đó đề xuất các khuyến nghị phù hợp.

2. Kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu cho thấy một tỷ lệ đáng kể sinh viên Trường Đại học Thủy lợi có sử dụng ASMR như một công cụ hỗ trợ học tập, đặc biệt trong giai đoạn ôn thi. Phần lớn cho thấy tác động tích cực đến sự tập trung, giảm căng thẳng và tạo môi trường học tập dễ chịu hơn so với học trong im lặng hoặc với các loại âm thanh nền khác. Tuy nhiên, hiệu quả của ASMR không đồng nhất đối với các sinh viên. Bên cạnh đó, việc lạm dụng ASMR hoặc sử dụng không đúng cách có thể dẫn đến một số tác động tiêu cực như giảm khả năng tập trung trong môi trường yên tĩnh hoặc gây mệt mỏi thính giác. Từ đó, nghiên cứu đề xuất mở rộng khảo sát trên nhiều trường và nhiều khối ngành, thiết kế nghiên cứu theo hướng dọc, và phân tích sâu hơn sự khác biệt liên nhóm để đưa ra khuyến nghị phù hợp với từng đối tượng sinh viên.

**NGHIÊN CỨU SỰ LỰA CHỌN GIỮA ĐAM MÊ CÁ NHÂN
VÀ XU HƯỚNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TLU
TRONG ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU SỐNG
VÀ NGHỀ NGHIỆP TRƯỚC KỲ VỌNG XÃ HỘI**

SVTH: Nguyễn Thị Ngân - 66LUATKT1

Đinh Thị Hằng - 66LUATKT1

Nguyễn Thị Ngọc Ánh - 66LUATKT1

Bùi Thị Uyên - 66LUATKT1

GVHD: TS. Tô Mạnh Cường

1. Mục tiêu đề tài:

Mục tiêu của đề tài là phân tích sự lựa chọn giữa đam mê cá nhân và xu hướng mạng xã hội của sinh viên Đại học Thủy lợi trong quá trình định hướng mục tiêu sống và nghề nghiệp; trên cơ sở làm rõ các yếu tố tác động, đánh giá thực trạng và những khó khăn, áp lực mà sinh viên gặp phải, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hỗ trợ sinh viên xây dựng định hướng phù hợp, cân bằng giữa lý tưởng cá nhân và yêu cầu thực tiễn của xã hội.

2. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu đã hệ thống hóa được các nhân tố tác động đến định hướng mục tiêu sống và nghề nghiệp của sinh viên trong kỷ nguyên số. Thông qua khảo sát thực tiễn tại trường Đại học Thủy lợi, nghiên cứu cho thấy quyết định lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, phần lớn là mạng xã hội. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị thiết thực nhằm hỗ trợ Nhà trường, gia đình và bản thân sinh viên trong việc nâng cao bản lĩnh định hướng, giúp các bạn dung hòa giữa lý tưởng cá nhân và thực tế đời sống để phát triển bền vững.